TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 593/2019/DS-PT
Ngày: 24-6-2019
V/v Tranh chấp tài sản chung sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quang

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Huyền

2. Bà Huỳnh Thị Như Hà

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Khanh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 24 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 141/DSPT ngày 25/01/2019 về việc "Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 619/2018/DS-ST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2449/2019/QĐ-PT ngày 28/5/2019 giữa các Nguyễn Thị Đ sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1984; Địa chỉ: 25 Đường N, Phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 07 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc Xuân N, sinh năm 1987; Địa chỉ: 1191/19/1A Đường D, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh - là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/12/2017) (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà W; Địa chỉ: Số 07 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).
- Ông Nguyễn Thế A; Địa chỉ: 8B Đường Q, Phường H, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).
- Bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị T; Cùng địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện D, tỉnh Long An (vắng mặt).
- Văn phòng Công chứng Lê Ngọc Minh; Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản không hòa giải được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ sơ và tại phiên toà thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Phương T trình bày:

***** Trong thời gian chung sống và kết hôn bà T và ông H tạo lập được các tài sản chung sau:

1. Một (01) xe ô tô hiệu Porsche, phiên bản Panamera mua năm 2015, có số khung: WP1ZZZ55ZFLB17865, số máy: CNC098863 khi mua khoảng 5.234.280.000 đồng, hiện giá trị còn lại khoảng 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Sau khi mua bà T và ông H được cấp biển số xe 51F-XXX.XX, người đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe tên Nguyễn Mạnh H. Hiện ông H đang quản lý, sử dụng xe ô tô này và giữ bản chính Giấy đăng ký xe.

2. Nhà và đất tại: Số 7 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, trị giá 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng).

3. Đất tọa lạc tại Ấp B, xã M, huyện D, tỉnh Long An gồm:

3.1. Thửa đất số 349, tờ bản đồ số 15, diện tích: 625 m^2, mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây hằng năm khác (HNK) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641332, số vào sổ cấp GCN: CH00934 do UBND Huyện D cấp ngày15/10/2014;

3.2. Thửa đất số 350, tờ bản đồ số 15, diện tích: 611 m^2, mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây hằng năm khác (HNK) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641333, số vào sổ cấp GCN: CH00927 do UBND Huyện D cấp ngày15/10/2014;

3.3. Thửa đất số 375, tờ bản đồ số 15, diện tích: 917 m^2, mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây hằng năm khác (HNK) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641334, số vào sổ cấp GCN: CH00932 do UBND Huyện D cấp ngày15/10/2014;

3.4. Thửa đất số 376, tờ bản đồ số 15, diện tích: 1610 m^2, mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây hằng năm khác (HNK) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641335, số vào sổ cấp GCN: CH00931 do UBND Huyện D cấp ngày15/10/2014;

3.5. Thửa đất số 398, tờ bản đồ số 15, diện tích: 2432 m^2, mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây hằng năm khác (HNK) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641336, số vào sổ cấp GCN: CH00930 do UBND Huyện D cấp ngày15/10/2014;

3.6. Thửa đất số 433, tờ bản đồ số 15, diện tích: 2313 m^2, mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây hằng năm khác (HNK) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641337, số vào sổ cấp GCN: CH00929 do UBND Huyện D cấp ngày15/10/2014;

3.7. Thửa đất số 455, tờ bản đồ số 15, diện tích: 570 m^2, mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây hằng năm khác (HNK) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641338, số vào sổ cấp GCN: CH00928 do UBND Huyện D cấp ngày15/10/2014;

3.8. Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 23, diện tích: 1337 m^2, mục đích sử dụng đất: Đất trồng cây hằng năm khác (HNK) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641339, số vào sổ cấp GCN: CH00933 do UBND Huyện D cấp ngày 15/10/2014;

Giá trị đất này ước tính trị giá 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

Tổng giá trị tài sản chung của bà T và ông H chưa chia là 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng). Ngày 28/01/2016 Tòa án nhân dân Quận X, Tp. Hồ Chí Minh giải quyết cho bà T và ông H ly hôn bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các Nguyễn Thị Đ sự số 78/2016/QĐST-HNGĐ, không giải quyết về tài sản chung vì ông H đề nghị được tự thỏa thuận. Nhưng, sau khi ly hôn với bà T thì ông H quản lý và sử dụng toàn bộ khối tài sản chung, tìm cách trì hoãn và né tránh việc chia tài sản chung làm cho bà T và con bà T (chưa đầy 05 tuổi) lâm vào hoàn cảnh hết sức khó khăn. Do đó, bà T làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân Quận X giải quyết buộc ông Nguyễn Mạnh H chia cho bà T 50% giá trị tài sản chung tương Nguyễn Thị Đ với số tiền 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng). Cụ thể như sau:

Nếu ông Nguyễn Mạnh H nhận căn nhà Số 7 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh trị giá 25.000.000.000 đồng thì ông Nguyễn Mạnh H phải chuyển giao cho bà T:

1. Quyền sở hữu xe ô tô Porsche biển số xe 51F-XXX.XX, trị giá 3.000.000.000 (Ba tỷ đồng);

2. Chuyển quyền toàn bộ phần đất tọa lạc tại Ấp B, xã M, huyện D, tỉnh Long An trị giá 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng).

3. Và ông Nguyễn Mạnh H phải T toán cho bà T bằng tiền mặt số tiền 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng).

* Ngày 19/4/2018, bà Nguyễn Thị Phương T khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án tuyên hủy "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" ngày 19/8/2017 tại Phòng công chứng Lê Ngọc M, trụ sở: Ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Long An được ký kết giữa ông Nguyễn Mạnh H, bà Wvới bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Đ về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 349, 350, 375, 376, 398, 433, 8; tờ bản đồ số 15, 23; địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện D, tỉnh Long An.

* Không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn vì: Căn hộ Q, Tầng 17 Tòa nhà Atại địa chỉ 25 Đường N, Phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của bà được ông H tặng cho bà; Xe ô tô hiệu AUDI biển số 51A-XXX.XXsố máy BPJ222134, số khung Z4F7BN028473 là tài sản riêng của bà vì mua trong thời kỳ hôn nhân nhưng có văn bản thỏa thuận tài sản riêng của vợ chồng do bà và ông H xác nhận; số tiền 2.000.000.000đồng được chuyển từ tài khoản của ông H đến tài khoản của bà vào ngày 19/01/2016 là số tiền hai vợ chồng chuyển qua lại trong thời kỳ hôn nhân để giải quyết cho công việc chung của gia đình (chồng, vợ, con) và vào thời điểm ly hôn sốp tiền này không còn tồn tại.

* Không đồng ý với yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị đơn vì: Nhà đất tại Số 7 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của bà và ông H trong thời kỳ hôn nhân nên việc ông H tự ý giao dịch đặt cọc mua bán với người khác không được sự đồng ý của bà thì ông H phải tự trách nhiệm nếu có thiệt hại xảy ra.

* Đồng ý với kết quả định giá theo chứng thư thẩm định giá số: Vc 18/01/016/BĐS-TPVI ngày 31/01/2018 do Công ty Cổ phần Đầu tư và thẩm định giá Tiên Phong lập đối với tài sản tranh chấp là nhà đất tại: Số 7 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị thẩm định là 23.007.120.000đồng; Đồng ý với với kết quả định giá theo chứng thư thẩm định giá số: Vc 18/10/124/BĐS-TPVI ngày 31/10/2018 do Công ty Cổ phần Đầu tư và thẩm định giá Tiên Phong lập đối với tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất của các thửa đất số: 349, 350, 375, 376, 398, 433, 455 thuộc tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 8, tờ bản đồ số 23 tại Ấp B, xã M, huyện D, tỉnh Long An có giá trị thẩm định là 7.290.500.000đồng;

Đồng ý với ông H về giá trị các tài sản gồm: Căn hộ tại địa chỉ 25 Đường N, Phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, trị giá 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng); Xe ô tô hiệu AUDI biển số 51A-XXX.XX số máy BPJ222134, số khung Z4F7BN028473, trị giá 1.000.000.000 đồng; Xe ô tô Porsche biển số 51A-XXX.XX trị giá 3.000.000.000 đồng.

Đại diện bị đơn bà Nguyễn Ngọc Xuân N trình bày:

1/ Đối với căn nhà Số 7 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X, Tp.HCM là tài sản riêng của ông H được hình thành từ trước khi đăng ký kết hôn với bà T, cụ thể như sau:

Ngày 07/6/2013, ông H và bà T đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận N- Tp. Hải Phòng. Trước khi đăng ký kết hôn, vào ngày 13/10/2012 ông H có nhận chuyển nhượng 1 nền đất (ký hiệu D98) Số 7 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X, Tp.HCM từ bà Nguyễn Thị Thanh T với số tiền 6.510.000.000 đồng (Sáu tỉ năm trăm mười triệu đồng). Ngày 18/10/2012, ông H và bà Thủy ký hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở tại phòng công chứng số 2 Tp.Hồ Chí Minh. Ngày 12/12/2012, ông H có ký phụ lục hợp đồng số 7 với công ty cổ phần H để tiến hành xây dựng căn nhà trên nền nhà số D98 và ngày 12/08/2013, ông H và Công ty cổ phần H lập biên bản quyết toán khối lượng xây dựng công trình. Toàn bộ số tiền mua đất và đầu tư xây dựng nhà là tiền của mẹ ông H cho ông H vay và tiền cá nhân của ông H tích góp, ông H trực tiếp T toán cho bà Thủy và Công ty cổ phần H. Bà T không đóng góp số tiền nào và không ký vào các giấy tờ mua bán cũng như đầu tư xây dựng căn nhà nói trên. Do đó, ông H khẳng định đây là tài sản riêng của ông H nên không đồng ý với yêu cầu của bà T về việc chia tài sản này.

2/ Đối với Xe ô tô hiệu Posche, biển số 51A-XXX.XX (hiện ông H đang sử dụng) và các thửa đất số 349, 350, 375, 376, 398, 433, 455 thuộc tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 8, tờ bản đồ số 23 tại Ấp B, xã M, huyện D, tỉnh Long An (đã bán tháng 7 năm 2017) là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông H vì: trước khi Tòa án nhân dân Quận X ra quyết định thuận tình ly hôn vào ngày 28/01/2016 thì giữa ông H và bà T đã tự thỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản như sau: ông H được nhận xe và đất trên, trong đó chiếc xe ô tô Posche, biển số 51A-XXX.XX khi mua ông H có vay Ngân hàng Eximbank 2.200.000.000 đồng, ông H là người trực tiếp trả nợ và đã tất toán khoản vay cho Ngân hàng vào tháng 08 năm 2017-sau thời điểm ly hôn; Bà T được nhận phần tài sản là Xe ô tô hiệu AUDI A6, biển số 51A-

XXX.XX; Căn hộ Q, tầng 17, tòa nhà A thuộc Chung cư cao cấp Z, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh và số tiền mặt là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Thời gian bà T nhận căn hộ Q là trước ngày nộp đơn ly hôn 5 ngày (vào ngày 16/12/2015), nhận xe ô tô AUDI và 2 tỷ đồng tiền mặt là sau khi đã nộp đơn ly hôn (vào các ngày 04/01/2016 và 19/01/2016). Việc thỏa thuận phân chia tài sản trên tuy không lập thành văn bản nhưng đó là thực tế giữa hai bên.

Như vậy, yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của bà T là không hợp lý và không có căn cứ để chấp nhận vì thực tế bà T đã được chia tài sản như trình bày ở trên. Vì vậy, bị đơn đề nghị Tòa xem xét bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại đơn phản tố ngày 25/5/2018, bị đơn là ông Nguyễn Thanh H yêu cầu như sau:

1. Xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị Phương T bao gồm: Căn hộ tại địa chỉ 25 Đường N, Phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, trị giá 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng); Xe ô tô hiệu AUDI biển số 51A-XXX.XX số máy BPJ222134, số khung Z4F7BN028473, trị giá 1.000.000.000 đồng; Xe ô tô Porsche biển số 51A-XXX.XX trị giá 3.000.000.000 đồng; Số tiền 2.000.000.000 đồng mà ông H đã chuyển cho bà T. Tổng giá trị tài sản chung khoảng 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng)

2. Buộc bà Nguyễn Thị Phương T phải trả lại cho ông Nguyễn Mạnh H số tiền 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) do đã được chia hơn 50% tổng giá trị tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân vì: Phần tài sản mà bà Nguyễn Thị Phương T đã được chia có tổng giá trị là 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng) (gồm:Căn hộ Q, tầng 17, tòa nhà A thuộc Chung cư cao cấp Z, Quận X, trị giá 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng); Xe ô tô hiệu AUDI biển số 51A-XXX.XXsố máy BPJ222134, số khung Z4F7BN028473, trị giá 1.000.000.000 đồng; Số tiền 2.000.000.000 đồng).

* Tại đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại ngày 14/3/2018 ông H đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Phương T phải bồi thường cho ông Nguyễn Mạnh H số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) vì: Ngày 26/7/2017 ông Nguyễn Mạnh H đã ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng nhà đất tại địa chỉ Số 7 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh và nhận của ông Nguyễn Thế A số tiền 1.000.000đồng. Nhưng việc mua bán không thực hiện được do tài sản trên đã bị Tòa án ngăn chặn việc chuyển nhượng theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/QĐ-BPKCTT ngày 09/02/2018 nên ông H đã phải trả lại số tiền cọc 1.000.000.000đồng và bồi thường 1.000.000.000đồng tiền phạt cọc theo hợp đồng.

* Đồng ý với kết quả định giá theo chứng thư thẩm định giá số: Vc 18/01/016/BĐS-TPVI ngày 31/01/2018 do Công ty Cổ phần Đầu tư và thẩm định giá Tiên Phong lập đối với tài sản tranh chấp là nhà đất tại: Số 7 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị thẩm định là 23.007.120.000đồng;

Không đồng ý với với kết quả định giá theo chứng thư thẩm định giá số: Vc 18/10/124/BĐS-TPVI ngày 31/10/2018 do Công ty Cổ phần Đầu tư và thẩm định giá Tiên Phong lập đối với tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất của các thửa đất

số: 349, 350, 375, 376, 398, 433, 455 thuộc tờ bản đồ số 15 và thửa đất số 8, tờ bản đồ số 23 tại Ấp B, xã M, huyện D, tỉnh Long An có giá trị thẩm định là 7.290.500.000đồng vì thực tế tài sản trên ông H chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Đ giá 2.000.000.000đồng. Nhưng không yêu cầu định giá lại, đề nghị Tòa án xem xét trên trị giá chuyển nhượng chứ không dựa trên trị giá vào thời điểm giải quyết vụ án;

Đề nghị Tòa án xác định trị giá các tài sản gồm: Căn hộ Q , Tầng 17 Tòa nhà A tại địa chỉ 25 Đường N, Phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, trị giá 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng); Xe ô tô hiệu AUDI biển số 51A-XXX.XXsố máy BPJ222134, số khung Z4F7BN028473, trị giá 1.000.000.000 đồng; Xe ô tô Porsche biển số 51A-XXX.XX trị giá 3.000.000.000 đồng. Không yêu cầu Tòa án định giá các tài sản này.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị T trình bày:*** Nguồn gốc tài sản là quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 349, 350, 375, 376, 398, 433, 8; tờ bản đồ số 15, 23; địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện D, tỉnh Long An đã được Ủy ban nhân dân Huyện D, tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Mạnh H cùng ngày 15/10/2014 là của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Đ nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Mạnh H, bà W theo "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" ngày 19/8/2017 tại Phòng công chứng Lê Ngọc M, Địa chỉ trụ sở: Ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Long An. Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng, bà Nguyễn Thị T – bà Nguyễn Thị Đ đã T toán hết số tiền 2.000.000.000đ (hai tỷ đồng) theo thỏa thuận, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của nhà nước về luật đất đai và đã được Chi nhánh văn phòng đất đai Huyện D, tỉnh Long An cấp nhật biến động thay đổi chủ sử dụng vào các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 05/9/2017. Bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị T mua đất của ông H hoàn toàn hợp pháp đúng theo trình tự quy định của pháp luật nhà nước Việt Nam; ông H có vợ trước là bà Nguyễn Thị Phương T đã ly hôn thì bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị T và Văn phòng Công chứng Lê Ngọc M không biết nên ông H phải có trách nhiệm tự giải quyết với bà T.

Hiện tại, toàn bộ diện tích đất trên đã được bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Đ trồng cây Bạch Đàn lên cao khoảng 01m nên muốn giữ đất lại cho cây lớn. Do đó, bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị T không đồng ý với yêu cầu của bà T về việc yêu cầu hủy "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" ngày 19/8/2017 tại Phòng công chứng Lê Ngọc M, đã được ký giữa bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Đ với ông Nguyễn Mạnh H, bà W.

**** Ông Lê Ngọc M đại diện Văn phòng công chứng Lê Ngọc M trình bày:*** Ngày 19/8/2017, ông Nguyễn Mạnh H, bà W cùng bà bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Đ đến Văn phòng công chứng Lê Ngọc M yêu cầu công chứng "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" tại các thửa đất số 349, 350, 375, 376, 398, 433, 8; tờ bản đồ số 15, 23; địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện D, tỉnh Long An đã được Ủy ban nhân dân Huyện D, tỉnh Long An. Tại thời điểm công chứng, các bên đã xuất trình đầy đủ các giấy tờ cần thiết theo quy định của pháp luật liên quan quan đến nhân thân và tài sản chuyển nhượng nên công chứng viên đã ký xác nhận việc chuyển nhượng tài sản trên. Như vậy, việc công chứng chuyển nhượng các thửa đất số 349, 350, 375, 376, 398, 433, 8; tờ bản đồ số 15, 23; địa chỉ: Ấp B, xã

M, huyện D, tỉnh Long An đã được Ủy ban nhân dân Huyện D, tỉnh Long An là đúng theo trình tư thủ tục và quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của bà T về việc yêu cầu hủy "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" ngày 19/8/2017, Văn phòng công chứng Lê Ngọc M không ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật vì nếu ông H và bà W che dấu thông tin để chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Đ thì ông H và bà W phải tự chịu trách nhiệm, không liên quan đến trách nhiệm của công chứng viên và Văn phòng công chứng Lê Ngọc M.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế A trình bày:***

Vào ngày 26/7/2017 ông Nguyễn Thế A và ông Nguyễn Mạnh H, bà W có ký hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất tại Số 7 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X với giá mua bán là 15.000.000.000 đồng. Để thực hiện hợp đồng trên đã đặt cọc cho ông H và bà W số tiền 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên việc mua bán nêu trên khong thực hiện được vì tài sản nêu trên đã bị TAND Quận X ngăn chặn chuyển dịch chuyển nhượng theo quyết định số 05/QĐ-BPKCTT ngày 09/02/2018. Vì vậy, ngày 15/3/2018 ông Nguyễn Thế A và ông Nguyễn Mạnh H đã tiến hàng hủy bỏ hợp đồng đặt cọc mua bán nhà nêu trên do lỗi của ông H và bà W. Do đó, ông H và bà W đã tự nguyện trả lại cho ông Anh 1.000.000.000 đồng tiền đặt cọc và 1.000.000.000 đồng tiền phạt cọc theo hợp đồng 26/7/2017.

Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất đã bị hủy bỏ nên ông Anh không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện giữa bà Nguyễn Thị Phương T với ông Nguyễn Mạnh H. Vì vậy, ông Anh xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử của Tòa án nhân dân Quận X.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà W trình bày:***

Bà và chồng là ông H gặp đã tiến đến hôn nhân tại thời điểm làm giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/4/2016.

Bà W xác nhận căn nhà số 07 đường M, khu dân cư A , phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của ông H phát sinh trước thời kỳ hôn nhân. Việc bà và ông H đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất từ Công ty cổ phần H theo hợp đồng số 000831 ký ngày 17/01/2017 do Văn phòng Công chứng V chứng nhận theo hồ sơ số 006516CN001 ngày 09/02/2017 là do vào thời điểm cấp Giấy chứng nhận bà và ông H là vợ chồng. Do bà không có quyền lợi gì liên quan đến tài sản là nhà đất trên nên đề nghị vắng mặt tại các buổi hòa giải, xét xử của Tòa án nhân dân Quận X.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

**Nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia toàn bộ khối tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, cụ thể:*

1. Một (01) xe ô tô hiệu Porsche, phiên bản Panamera mua năm 2015, có số khung: WP1ZZZ55ZFLB17865, số máy: CNC098863, biển số xe 51F-XXX.XX, người đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe tên Nguyễn Mạnh H, hiện giá trị còn lại 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Yêu cầu được chia 30% trị giá của xe là 900.000.000đồng và do xe ông H đang trực tiếp sử dụng nên đề nghị được nhận bằng tiền.

2. Nhà và đất tại: Số 7 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh, trị giá 23.007.120.000 đồng (Hai mươi ba tỷ lẻ bảy triệu một trăm hai mươi ngàn đồng). Yêu cầu chia 50% trị giá nhà đất tương Nguyễn Thị Đ 11.503.560.000đồng.

3. Quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 349, 350, 375, 376, 398, 433, 8; tờ bản đồ số 15, 23; địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện D, tỉnh Long An có giá trị 7.290.500.000đồng. Do ông H đã chuyển nhượng toàn bộ các thửa đất trên cho người khác nên bà yêu cầu được chia 50% trị giá các thửa đất bằng tiền là 3.645.250.000đồng

Rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Mạnh H và bà W với bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Đ tại Phòng công chứng Lê Ngọc M, trụ sở: Ấp C, xã L, huyện D, tỉnh Long An.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn và yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/QĐ-BPKCTT ngày 09/02/2018 để bảo đảm thi hành án.

** Đại diện bị đơn bà Nguyễn Ngọc Xuân N giữ nguyên ý kiến:*

Đề nghị Tòa án xem xét bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị Phương T bao gồm:

1. Căn hộ Q , Tầng 17 Tòa nhà A tại địa chỉ 25 Đường N, Phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, trị giá 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng).

2. Xe ô tô hiệu AUDI biển số 51A-XXX.XXsố máy BPJ222134, số khung Z4F7BN028473, trị giá 1.000.000.000 đồng .

3. Số tiền 2.000.000.000 đồng.

4. Xe ô tô Porsche biển số 51A-XXX.XXtrị giá 3.000.000.000 đồng.

Yêu cầu chia các tài sản trên như sau:

1. Căn hộ Q, Tầng 17 Tòa nhà A tại địa chỉ 25 Đường N, Phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, trị giá 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng); chia theo tỷ lệ 50/50, bà T sở hữu căn nhà và có trách nhiệm T toán lại cho ông H 2.000.000.000đồng.

2. Xe ô tô hiệu AUDI biển số 51A-XXX.XX số máy BPJ222134, số khung Z4F7BN028473, trị giá 1.000.000.000 đồng; chia theo tỷ lệ 50/50, bà T sở xe và có trách nhiệm T toán lại cho ông H 500.000.000đồng.

3. Số tiền 2.000.000.000 đồng; chia theo tỷ lệ 50/50, bà T có trách nhiệm T toán lại cho ông H 1.000.000.000đồng.

4. Xe ô tô Porsche biển số 51A-XXX.XX trị giá 3.000.000.000 đồng; yêu cầu được chia 70% trị giá của xe là 2.100.000.000đồng, ông H sở hữu xe và T toán lại cho bà T 900.000.000đồng.

Tổng giá trị tài sản chung là 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), phần ông H được hưởng là 5.600.000.000đồng, phần bà T được hưởng là 4.400.000.000đồng. Do, Phần tài sản mà bà Nguyễn Thị Phương T đã được chia có tổng giá trị là 7.000.000.000 đồng (Bảy tỷ đồng) gồm: Căn hộ Q, tầng 17, tòa nhà A thuộc Chung cư cao cấp Z, Quận X, trị giá 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng); Xe ô tô hiệu AUDI biển số 51A-XXX.XXsố máy BPJ222134, số khung

Z4F7BN028473, trị giá 1.000.000.000 đồng; Số tiền 2.000.000.000 đồng nên đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Phương T phải trả lại cho ông Nguyễn Mạnh H số tiền 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng) .

Buộc bà Nguyễn Thị Phương T phải bồi thường cho ông Nguyễn Mạnh H số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) đối với phần thiệt hại mà bà Nguyễn Thị Phương T gây ra khi yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/QĐ-BPKCTT ngày 09/02/2018).

* *Bà Nguyễn Thị Đvà bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Thế A, Văn phòng công chứng Lê Minh X, bà W* xác định đã cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Hội đồng xét xử, không còn cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Thế A, Văn phòng công chứng Lê Minh X, bà W là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại Bản án 619/2018/DS-ST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận X đã tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Mạnh H. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T.

1. Xác định căn nhà và đất tại Số 7 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh được công nhận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 134631, số vào sổ GCN: CT39888 do Sở Tài Nguyên và Môi trường TP.HCM cấp ngày 14/01/2015, đăng thay đổi ngày 09/02/2017 là tài sản chung của bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Mạnh H.

Bà Nguyễn Thị Phương T được hưởng 40/% giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Số 7 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (trị giá thành tiền là 23.007.120.000 đồng: 10 x 4= 9.202.848.000 đồng). Ông Nguyễn Mạnh H được hưởng 60/% giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Số 7 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh (trị giá thành tiền là 23.007.120.000 đồng: 10 x 3 = 13.804.272.000 đồng)

Trường hợp bà Nguyễn Thị Phương T yêu cầu phát mãi tài sản nhà và đất tại số: Số 7 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh để chia thì giá trị tài sản được tính toán theo tỷ lệ tương ứng với giá trị thực tế của tài sản được phát mãi. Số tiền phát mãi tài sản sau khi trừ các nghĩa vụ và chi phí thi hành án phát sinh thì bà Nguyễn Thị Phương T được nhận phần giá trị tài sản của mình bằng 40/% số tiền còn lại và ông Nguyễn Mạnh H được nhận phần giá trị tài sản của mình bằng 60/% số tiền còn lại.. Các bên Nguyễn Thị Đ sự tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

2. Xác định tài sản là đất tại: thửa số 375,376,349,350,398,433,455, tờ bản đồ 15; số thửa: 08; tờ bản đồ 23 cùng tọa lạc tại Ấp B, xã M, huyện D, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641332, số vào sổ cấp GCN: CH00934 do UBND Huyện D cấp ngày15/10/2014; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641333, số vào sổ cấp GCN: CH00927 do UBND Huyện D cấp ngày15/10/2014; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641334, số vào sổ cấp

GCN: CH00932 do UBND Huyện D cấp ngày15/10/2014; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641335, số vào sổ cấp GCN: CH00931 do UBND Huyện D cấp ngày15/10/2014; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641336, số vào sổ cấp GCN: CH00930 do UBND Huyện D cấp ngày15/10/2014; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641337, số vào sổ cấp GCN: CH00929 do UBND Huyện D cấp ngày 15/10/2014; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641338, số vào sổ cấp GCN: CH00928 do UBND Huyện D cấp ngày15/10/2014; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641339, số vào sổ cấp GCN: CH00933 do UBND Huyện D cấp ngày15/10/2014 là tài sản chung của bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Mạnh H.

Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Mạnh H được hưởng mỗi người ½ giá trị quyền sử dụng đất của các thửa đất trên (Ông H trả cho bà T số tiền 3.604.750.000đ (Ba tỷ sáu trăm lẻ bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng))

3. Xác định tài sản là xe ô tô hiệu Porsche, phiên bản Panamera mua năm 2015, có số khung:WP1ZZZ55ZFLB17865, số máy: CNC098863, biển số xe 51A-XXX.XXlà tài sản chung của bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Mạnh H.

Bà Nguyễn Thị Phương T được hưởng 30/% và ông Nguyễn Mạnh H được hưởng 70/% giá trị xe ô tô hiệu Porsche, biển số xe 51F-XXX.XX. Ông Nguyễn Mạnh H được sở hữu xe trên và T toán lại cho bà Nguyễn Thị Phương T số tiền 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng).

4. Đình chỉ yêu cầu hủy "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" ngày 19/8/2017 giữa ông Nguyễn Mạnh H và bà W với bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Đ tại Phòng công chứng Lê Ngọc M.

5. Giải tỏa quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 03/2018/QĐ-BPĐB ngày 05/02/2018 của Toà án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh và Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2018/QĐ-BPKCTT ngày 09/02/2018 để bảo đảm thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23 tháng 11 năm 2019, ông Nguyễn Mạnh H kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Toà án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, các Nguyễn Thị Đ sự đã được thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ. Đơn kháng cáo và thời hạn đóng án phí của ông H làm trong thời hạn luật định nên có cơ sở xem xét về hình thức.

Về nội dung kháng cáo: Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án và yêu cầu kháng cáo của bị đơn nhận thấy:

Ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị Phương T đăng ký kết hôn ngày 07/6/2013 tại UBND phường C, quận N, Tp. Hải Phòng nhưng thực tế vào tháng 02/2012, bà T và ông H đã được hai gia đình tổ chức lễ cưới và bà T với ông H đã chung sống tại gia đình ông H từ thời gian này. Ngày 26/01/2013, con đầu lòng của ông H, bà T là trẻ Nguyễn Thanh T ra đời.

Ngày 28/01/2016, Tòa án nhân dân Quận X, Tp. Hồ Chí Minh có Quyết định số 78/2016/QĐST-HNGĐ công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của bà T và ông H. Theo đó bà T và ông H thuận tình ly hôn, bà T trực tiếp nuôi trẻ Nguyễn Thanh T và ông H cấp dưỡng nuôi con 35.000.000 đồng/tháng, không giải quyết về tài sản chung vì ông H, bà T đề nghị được tự thỏa thuận. Ngày 03/10/2017, Bà T có đơn khởi kiện yêu cầu TAND Quận X chia tài sản chung sau ly hôn.

Xét thấy:

+ Đối với tài sản là nhà đất tại địa chỉ Số 7 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh:

Căn cứ vào hồ sơ liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ trên thì nhà đất trên có nguồn gốc do ông H có nhận chuyển nhượng 1 nền đất (ký hiệu D98) từ bà Nguyễn Thị Thanh T vào ngày 13/10/2012 với số tiền 6.510.000.000 đồng. Ngày 18/10/2012, ông H và bà T ký Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở tại phòng công chứng số 2 Tp. Hồ Chí Minh. Ngày 12/12/2012, ông H có ký phụ lục hợp đồng số 7 với Công ty cổ phần H (gọi tắt là Công ty H) để tiến hành xây dựng căn nhà trên nền D98, thời gian xây dựng từ 12/12/2012 đến ngày 12/06/2013. Ngày 06/8/2013 nhận bàn giao phần nhà thô và ngày 12/08/2013, ông H với Công ty C lập biên bản quyết toán khối lượng xây dựng công trình.

Như vậy, việc mua bán lô đất vào ngày 13/10/2012 là trước thời điểm hai bên đăng ký kết hôn và căn nhà được xây dựng hoàn thành phần thô vào ngày 06/8/2013 là sau thời điểm đăng ký kết hôn. Mặt khác, bà T và ông H đã tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ tháng 02/2012 (trước thời điểm ông H mua đất để xây dựng lên căn nhà) và có một con gái tên Nguyễn Thanh T sinh ngày 26/01/2013. Do vậy, có đủ cơ sở xác định tài sản tranh chấp trên được tạo lập trong thời gian bà T và ông H đang là vợ chồng, do đó việc bà T yêu cầu xác định tài sản trên là tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là có cơ sở. Xét đến công sức tạo lập thì ông H có đóng góp nhiều hơn nên việc bà T yêu cầu chia đôi khối tài sản chung nêu trên là không thỏa đáng, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.

Tuy nhiên, xét hoàn cảnh gia đình thì hiện nay bà T đang nuôi con nhỏ, ông H thừa nhận gần một năm nay không có đóng góp gì phụ giúp cho bà T nuôi con. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm xem xét chia tài sản chung trên theo tỷ lệ 6/4, theo đó bà T được hưởng 4 phần, ông H được hưởng 6 và theo giá bà T và ông H đã thống nhất tại Chứng thư thẩm định giá ngày 31/01/2018 do Công ty Cổ phần Đầu

tư và thẩm định giá Tiên Phong lập là phù hợp với quy định tại khoản 2 điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đảm bảo quyền và lợi ích của các bên.

+ Đối với tài sản là Quyền sử dụng đất tại các thửa đất số 349, 350, 375, 376, 398, 433, 8; tờ bản đồ số 15, 23; địa chỉ tại Ấp B, xã M, huyện D, tỉnh Long An:

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641332 (số vào sổ CH00934), số BX641333 (số vào sổ CH00927), số BX641334 (số vào sổ CH00932), số BX641335, (số vào sổ CH00931), số BX641336 (số vào sổ CH00930), số BX641337 (số vào sổ CH00929), số BX641338 (số vào sổ CH00928) và số BX641339 (số vào sổ CH00933) cùng do UBND Huyện D cấp ngày 15/10/2014 cho ông Nguyễn Mạnh H; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/03/2018; Hồ sơ cung cấp tài liệu chứng cứ của Văn phòng đăng ký đất đai Huyện D, tỉnh Long An… có đủ cơ sở xác định tài sản tranh chấp là thửa đất số 375, 376, 349, 350, 398, 433, 455 tờ bản đồ 15 và thửa số 08 tờ bản đồ 23 cùng tọa lạc tại Ấp B, xã M, huyện D, tỉnh Long An được tạo lập trong thời gian bà T và ông H đang là vợ chồng. Do ông H đã tự ý chuyển nhượng cho người khác nên phải có trách nhiệm trả bằng tiền cho bà T.

Nguyên đơn đồng ý với kết quả định giá theo Chứng thư thẩm định giá số VC 18/10/124/BĐS-TPVI ngày 31/10/2018 do Công ty Cổ phần Đầu tư và thẩm định giá Tiên Phong lập là 7.290.500.000đồng; Bị đơn đồng ý chia theo tỷ lệ 50/50, không đồng ý với kết quả thẩm định giá trên nhưng không yêu cầu định giá lại.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xem xét chia tài sản chung vợ chồng theo tỷ lệ 5/5, theo đó bà T được hưởng 5 phần, ông H được hưởng 5 phần theo giá tại Chứng thư thẩm định giá số VC 18/10/124/BĐS-TPVI ngày 31/10/2018 do Công ty Cổ phần Đầu tư và thẩm định giá Tiên Phong lập là phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích của các bên.

+ Đối với tài sản xe ôtô hiệu Porsche, phiên bản Panamera, biển số xe 51A-XXX.XXdo ông Nguyễn Mạnh H đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201502585 ngày 19/6/2015 thấy khi mua xe ông H có vay Ngân hàng Eximbank số tiền 2.000.000.000 đồng, ông H cũng là người trực tiếp trả nợ và đã tất toán khoản vay cho Ngân hàng vào ngày 13 tháng 08 năm 2017 (sau thời điểm ly hôn). Do đó việc cùng thống nhất đây là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và cùng đồng ý thỏa thuận chia theo tỷ lệ ông H 7/10 và bà T 3/10 trị giá xe tại thời điểm xét xử là 3.000.000.000 đồng và ông H nhận xe, bà T nhận tiền tương tương ứng với phần trăm giá trị xe được hưởng 900.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận nên việc Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự thỏa thuận của các bên là có căn cứ và đúng pháp luật.

+ Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu Tòa án xác định các tài sản gồm Căn hộ Q, tầng 17, tòa nhà A tại địa chỉ 25 đường N, Phường T, Quận X trị giá 4.000.000.000 đồng; Xe ôtô hiệu AUDI biển số 51A-XXX.XX trị giá 1.000.000.000 đồng; Số tiền 2.000.000.000 đồng mà ông H đã chuyển cho bà T

trước khi ly hôn là sản chung của ông H bà T trong thời kỳ hôn nhân và chia khối tài sản trên theo tỷ lệ 50/50:

- Căn cứ Văn bản tặng cho Hợp đồng mua bán căn hộ (một phần) ngày 16/12/2015 lập tại Văn phòng công chứng Quận X thì ông H đã tặng cho phần quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán nhà ở số Q tầng 17, tòa nhà Atại địa chỉ 25 Đường N, phường T, Quận X ký ngày 19/3/20143 giữa ông H với Công ty Địa ốc Nova cho bà T;

- Căn cứ Văn bản thỏa thuận tài sản riêng của vợ ngày 04/01/2016 lập tại Văn phòng công chứng Quận X, ông H xác định toàn bộ tiền dùng để mua chiếc xe ôtô hiệu AUDI biển số 51A-XXX.XX số máy BPJ222134, số khung Z4F7BN028473 là tiền riêng của bà T, ông H không có bất cứ sự đóng góp nào;

- Đối với số tiền 2.000.000.000 đồng ông H chuyển cho bà T trong thời gian ông H bà T đang là vợ chồng, xét thấy ông H không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh bà T được nhận các tài sản trên từ việc chia tài sản chung của vợ chồng. Mặt khác, nội dung các tin nhắn qua lại của số điện thoại 0986330615 (ông H sử dụng) và số điện thoại 0975495130 (bà T sử dụng) mà ông H cung cấp cho Tòa án (bà T không đồng ý với các tin nhắn này) chỉ thể hiện ông H có chuyển cho bà T số tiền 2.000.000.000 đồng chứ không thể hiện chuyển tiền cho thỏa thuận chia tài sản giữa hai bên, cũng không chứng minh được là kể từ ngày có quyết định thuận tình ly hôn đang còn tồn tại số tiền 2.000.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng được bà T giữ.

Từ phân tích trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các Điều 33, Điều 43 Luật hôn nhân gia đình không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông H là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật.

+ Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải bồi thường thiệt hại cho ông H số tiền 1.000.000.000 đồng do bà T gây ra khi yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/QĐ-BPKCTT ngày 09/02/2018:

Xét thấy ông H và bà T ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 78/2016/QĐST-HNGĐ ngày 28/01/2016 của Tòa án nhân dân Quận X nhưng phần tài sản chung thì chưa giải quyết – trong đó có nhà, đất tại Số 7 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X. Việc ông H tự ý ký hợp đồng hứa mua hứa bán nhà, đất trên với ông Nguyễn Thế A vào tháng 07/2017 thì phải chịu trách nhiệm. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố trên của ông H là có cơ sở.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T đã rút yêu cầu hủy "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" ngày 19/8/2017 giữa ông Nguyễn Mạnh H và bà W với bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Đ tại Phòng công chứng Lê Ngọc M nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét và đình chỉ giải quyết yêu cầu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

+Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đúng quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Mạnh H.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số số 619/2018/DS-ST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận X, Tp. Hồ Chí Minh.

- Án phí DSPT: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo và thời hạn đóng án phí của ông H trong thời hạn luật định nên có cơ sở xem xét về hình thức.

Xét nội dung kháng cáo của ông H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2] Đối với tài sản là nhà đất tại địa chỉ Số 7 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh

Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận có đủ cơ sở xác định tài sản tranh chấp là nhà đất tọa lạc tại địa chỉ Số 7 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do ông H có nhận chuyển nhượng 1 nền đất (ký hiệu D98) tại Số 7 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh từ bà Nguyễn Thị Thanh T với số tiền 6.510.000.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng nền nhà ngày 13/10/2012. Ngày 18/10/2012, ông H và bà Thủy ký hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng góp vốn xây dựng nhà ở. Ngày 12/12/2012, ông H có ký phụ lục hợp đồng số 7 với Công ty cổ phần H để tiến hành xây dựng căn nhà trên nền nhà số D98. Thời gian xây dựng từ 12/12/2012 đến ngày 12/06/2013. Ngày 06/8/2013 nhận bàn giao phần nhà thô và ngày 12/08/2013, ông H với Công ty cổ phần H lập biên bản quyết toán khối lượng xây dựng công.

Ông H cho rằng đây là tài sản riêng của ông H được hình thành từ trước khi đăng ký kết hôn với bà T, do ngày 13/10/2012 ông H đã nhận chuyển nhượng tài sản trên từ bà Nguyễn Thị Thanh T và đến ngày 07/6/2013, ông H và bà T mới đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận N- Thành phố Hải Phòng. Toàn bộ số tiền mua đất và đầu tư xây dựng nhà là tiền của mẹ ông H cho ông H vay và tiền cá nhân của ông H tích góp, ông H trực tiếp T toán cho bà Thủy và Công ty cổ phần H. Bà T không đóng góp số tiền nào và không ký vào các giấy tờ mua bán cũng như đầu tư xây dựng căn nhà nói trên.

Tuy nhiên, bà T khẳng định tài sản trên do bà và ông H cùng góp tiền mua và các giao dịch chuyển tiền, rút tiền của bà trong thời gian này thể hiện tại các bản sao kê tại ngân hàng Eximbank Hải Phòng đã chứng minh việc bà góp tiền mua cùng ông H. Mặt khác, thực tế bà và ông H tiến đến cuộc sống hôn nhân từ đầu năm 2012; tháng 02/2012, bà và ông H đã được hai gia đình tổ chức lễ cưới và bà về sống chung với ông H tại gia đình ông H từ thời gian này (các hình chụp tổ chức lễ cưới) và sau khi hai vợ chồng sinh trẻ Nguyễn Thanh T, sinh ngày 26/01/2013 thì mới tiền hành đăng ký kết hôn; Ngoài ra, trong quá trình hoàn thiện

căn nhà thì bà, ông H và con chung cùng ở trong căn nhà trên cho đến thời điểm hai vợ chồng ly hôn là ngày 28/01/2016.

Hội đồng xét xử xét thấy việc mua bán lô đất vào ngày 13/10/2012 là trước thời điểm hai bên đăng ký kết hôn và căn nhà được xây dựng hoàn thành phần thô vào ngày 06/8/2013 là sau thời điểm đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, bà T và ông H đã tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ tháng 02/2012 (trước thời điểm ông H mua đất để xây dựng căn nhà Số 7 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh) và có một con chung tên Nguyễn Thanh T sinh ngày 26/01/2013. Do vậy, việc bà T khẳng định có góp tiền cho ông H mua căn nhà nói trên là có cơ sở xem xét. Tuy nhiên, xét mức độ và công sức đóng góp của từng người thì ông H có công sức đóng góp nhiều hơn nhưng xét hoàn cảnh gia đình thì hiện nay bà T đang nuôi con nhỏ, ông H đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung nhưng ông thừa nhận gần một năm nay không có đóng góp gì phụ giúp cho bà T nuôi con. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xem xét chia tài sản chung vợ chồng theo tỷ lệ 6/4, theo đó bà T được hưởng 4 phần, ông H được hưởng 6 phần là phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích của các bên.

[3] Đối với tài sản là quyền sử dụng đất các thửa đất số 349, 350, 375, 376, 398, 433, 8; tờ bản đồ số 15, 23 tại địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện D, tỉnh Long An

Căn cứ vào các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641332, BX64133, BX641334, BX641335, BX641336, BX641337, BX641338 và số BX641339 cùng do UBND Huyện D cấp ngày 15/10/2014 cho ông Nguyễn Mạnh H có đủ cơ sở xác định tài sản tranh chấp là thửa đất nêu trên được tạo lập trong kỳ hôn nhân của bà T và ông H.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chia tài sản chung vợ chồng theo tỷ lệ 5/5, bà T được hưởng 5 phần, ông H được hưởng 5 phần là phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích của các bên.

[4] Đối với tài sản xe ô tô hiệu Porsche, phiên bản Panamera mua năm 2015, có số khung: WP1ZZZ55ZFLB17865, số máy: CNC098863, biển số xe 51F-XXX.XX, người đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe tên Nguyễn Mạnh H.

Theo lời trình bày của các Nguyễn Thị Đ sự thì ông H có công sức đóng góp nhiều hơn, cụ thể khi mua xe ông H có vay Ngân hàng Eximbank theo Hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201502585 ngày 19/6/2015 số tiền 2.000.000.000 đồng, ông H cũng là người trực tiếp trả nợ và đã tất toán khoản vay cho Ngân hàng vào ngày 13 tháng 08 năm 2017 (sau thời điểm ly hôn). Do đó việc cùng thống nhất đây là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và cùng đồng ý thỏa thuận chia theo tỷ lệ ông H 7/10 và bà T 3/10 trị giá xe theo thời điểm xét xử 3.000.000.000đồng và ông H nhận xe, bà T nhận tiền tương tương ứng với phần trăm giá trị xe được hưởng 900.000.000đồng là có cơ sở chấp nhận nên ghi nhận sự tự thỏa thuận của các bên.

[5] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu Tòa án xác định các tài sản tài gồm: Căn hộ Q, Tầng 17 Tòa nhà A tại địa chỉ 25 Đường N, Phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, trị giá 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng); Xe ô tô hiệu AUDI biển số 51A-XXX.XXsố máy BPJ222134, số khung Z4F7BN028473, trị giá 1.000.000.000 đồng; Số tiền 2.000.000.000 đồng mà ông H đã chuyển cho bà T

trước khi ly hôn là tài sản chung của ông H bà T trong thời kỳ hôn nhân và chia khối tài sản trên theo tỷ lệ 50/50.

Hội đồng xét xử xét thấy: Thời gian này bà T và ông H vẫn là vợ chồng hợp pháp, tuy nhiên tại Hợp đồng tặng cho Hợp đồng mua bán căn hộ một phần ngày 04/01/2016 lập tại Văn phòng công chứng Quận X thì ông H đã tặng cho Căn hộ Q, Tầng 17 Tòa nhà A tại địa chỉ 25 Đường N, Phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà T; Khi thực hiện mua bán xe ô tô hiệu AUDI biển số 51A-XXX.XXsố máy BPJ222134, số khung Z4F7BN028473 thì ông H và bà T có làm cam kết tài sản trên là tài sản riêng của bà T; Đối với số tiền 2.000.000.000 đồng ông H chuyển cho bà T thực hiện trong thời gian ông H và bà T đang là vợ chồng mà phía bị đơn không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh bà T được nhận các tài sản trên từ việc phân chia tài sản chung của vợ chồng. Mặt khác, nội dung các tin nhắn qua lại của số điện thoại 0986330615 (ông H sử dụng) và số điện thoại 0975495130 (bà T sử dụng) ông H cung cấp cho Tòa án chỉ thể hiện ông H có chuyển cho bà T số tiền 2.000.000.000đồng, chứ không có nội dung thể hiện là chuyển tiền cho thỏa thuận chia tài sản giữa hai bên và tại biên bản đối chất ngày 05/10/2018 bà T cũng không đồng ý với các tin nhắn mà ông H đã cung cấp.

Từ căn cứ trên có thể xác định Căn hộ Q, Tầng 17 Tòa nhà A tại địa chỉ 25 Đường N, Phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, xe ô tô hiệu AUDI biển số 51A-XXX.XX là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Phương T phù hợp với quy định tại Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình.

Về số tiền 2.000.000.000đồng là khoản tiền ông T chuyển cho bà H trong thời kỳ hôn nhân để sử dụng, không có căn cứ xác định số tiền này ông giao cho bà T giữ hay đưa cho bà T sử dụng vào mục đích gia đình. Bà T không thừa nhận số tiền này là tiền phân chia tài sản chung của hai vợ chồng và ông H cũng không chứng minh được ông đưa cho bà T theo thỏa thuận phân chia tài sản chung. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông H về việc ông đã chia cho bà T số tiền 2.000.000.000đồng.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố nêu trên của bị đơn là có căn cứ.

[6] Ông H đã ký hợp đồng hứa mua hứa bán căn nhà trên với ông Nguyễn Thế A vào tháng 07/2017 và có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Phương T phải bồi thường cho ông Nguyễn Mạnh H số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) đối với phần thiệt hại mà bà Nguyễn Thị Phương T gây ra khi yêu cầu Tòa án nhân dân Quận X áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/QĐ-BPKCTT ngày 09/02/2018. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản chung của ông H và bà T. Ông H và bà T ly hôn theo Quyết định số 78/2016/QĐST-HNGĐ ngày 28/01/2016 nhưng phần tài sản thì chưa giải quyết. Việc tài sản chung vợ chồng sau ly hôn chưa được giải quyết mà ông H lại tự ý thực hiện việc mua bán thì phải chịu trách nhiệm. Do đó, yêu cầu của ông H không có cơ sở chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T đã rút yêu cầu hủy "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" ngày 19/8/2017 giữa

ông Nguyễn Mạnh H và bà W với bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Đ tại Phòng công chứng Lê Ngọc M nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu trên là đúng quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử đồng ý với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: không chấp nhận đơn kháng cáo của ông H, giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo nên ông H phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 26, 34, 35, 39, 147, 227, 228 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Mạnh H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

1. Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Mạnh H. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T.

1.1 Xác định căn nhà và đất tại Số 7 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh được công nhận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 134631, số vào sổ GCN: CT39888 do Sở Tài Nguyên và Môi trường TP.HCM cấp ngày 14/01/2015, đăng thay đổi ngày 09/02/2017 là tài sản chung của bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Mạnh H.

Bà Nguyễn Thị Phương T được hưởng 40% giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Số 7 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (trị giá thành tiền là 23.007.120.000 đồng: 10 x 4= 9.202.848.000 đồng). Ông Nguyễn Mạnh H được hưởng 60% giá trị quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Số 7 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh (trị giá thành tiền là 23.007.120.000 đồng: 10 x 3 = 13.804.272.000 đồng).

Trường hợp bà Nguyễn Thị Phương T yêu cầu phát mãi tài sản nhà và đất tại số: Số 7 đường M, khu dân cư A, phường T, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh để chia thì giá trị tài sản được tính toán theo tỷ lệ tương ứng với giá trị thực tế của tài sản được phát mãi. Số tiền phát mãi tài sản sau khi trừ các nghĩa vụ và chi phí thi hành án phát sinh thì bà Nguyễn Thị Phương T được nhận phần giá trị tài sản của mình bằng 40% số tiền còn lại và ông Nguyễn Mạnh H được nhận phần giá trị tài sản của mình bằng 60% số tiền còn lại. Các bên Nguyễn Thị Đ sự tự liên hệ với cơ

quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

1.2 Xác định tài sản là quyền sử dụng đất tại: thửa số 375, 376, 349, 350, 398, 433, 455, tờ bản đồ 15; số thửa: 08; tờ bản đồ 23 cùng tọa lạc tại Ấp B, xã M, huyện D, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641332, số vào sổ cấp GCN: CH00934 do UBND Huyện D cấp ngày 15/10/2014; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641333, số vào sổ cấp GCN: CH00927 do UBND Huyện D cấp ngày 15/10/2014; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641334, số vào sổ cấp GCN: CH00932 do UBND Huyện D cấp ngày 15/10/2014; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641335, số vào sổ cấp GCN: CH00931 do UBND Huyện D cấp ngày 15/10/2014; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641336, số vào sổ cấp GCN: CH00930 do UBND Huyện D cấp ngày 15/10/2014; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641337, số vào sổ cấp GCN: CH00929 do UBND Huyện D cấp ngày 15/10/2014; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641338, số vào sổ cấp GCN: CH00928 do UBND Huyện D cấp ngày 15/10/2014; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX641339, số vào sổ cấp GCN: CH00933 do UBND Huyện D cấp ngày 15/10/2014 là tài sản chung của bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Mạnh H.

Bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Mạnh H được hưởng mỗi người ½ giá trị quyền sử dụng đất của các thửa đất trên (Ông H trả cho bà T số tiền 3.604.750.000đ (Ba tỷ sáu trăm lẻ bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng))

1.3 Xác định tài sản là xe ô tô hiệu Porsche, phiên bản Panamera mua năm 2015, có số khung:WP1ZZZ55ZFLB17865, số máy: CNC098863, biển số xe 51A-XXX.XXlà tài sản chung của bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Mạnh H.

Bà Nguyễn Thị Phương T được hưởng 30/% và ông Nguyễn Mạnh H được hưởng 70/% giá trị xe ô tô hiệu Porsche, biển số xe 51F-XXX.XX. Ông Nguyễn Mạnh H được sở hữu xe trên và T toán lại cho bà Nguyễn Thị Phương T số tiền 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng).

1.4 Đình chỉ yêu cầu hủy "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" ngày 19/8/2017 giữa ông Nguyễn Mạnh H và bà W với bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Đ tại Phòng công chứng Lê Ngọc M.

1.5. Giải tỏa quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 03/2018/QĐ-BPĐB ngày 05/02/2018 của Toà án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh và Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2018/QĐ-BPKCTT ngày 09/02/2018 để bảo đảm thi hành án

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu án dân sự sơ thẩm do được chia tài sản chung là 121.707.598 đồng nhưng được trừ vào số tiền 61.800.000 đồng mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0024534 ngày 01/11/2017 và số AA/2017/0025378 ngày 24/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận X. Bà T còn phải nộp thêm 59.907.598 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Mạnh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do được chia tài sản chung là 127.519.022 đồng và án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 104.000.000 đồng. Tổng công là 231.519.022 đồng nhưng được trừ vào số tiền 36.000.000 đồng mà ông H đã nộp theo biên lai thu tiền

tạm ứng án phí số AA/2017/0025582 ngày 12/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận X. Ông H còn phải nộp thêm 195.519.022 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Lệ phí định giá và lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ bà Nguyễn Thị Phương T tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Mạnh H phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông H đã nộp theo biên lai thu số 0026248 ngày 23/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Nguyễn Thị Đ sự có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền tổ chức thi hành án theo các Điều 7, 30 và 31 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Q.X;
- TAND Q.X;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Quang